

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP.HCM <u>TRƯỜNG THPT THÀNH NHÂN</u> Mã đề thi: 551	THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 1_05.05.2019 Môn Thi: HÓA 12 Thời gian làm bài: 50 phút. (40 câu trắc nghiệm gồm 4 trang)
--	--

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Số BD:

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Rb = 85,5; Ag = 108; Ba = 137. Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn (0°C, 1 atm). Bỏ qua sự hòa tan của chất khí trong nước.

Câu 41: Ở điều kiện thường, kim loại nào sau đây dẫn điện mạnh nhất?

- A. Zn. B. Au. C. Ag. D. Cu.

Câu 42: Kim loại nào sau đây không phải là kim loại kiềm ?

- A. Na. B. K. C. Li. D. Be.

Câu 43: Chất bột X màu đen, có khả năng hấp phụ các khí độc nên được dùng trong nhiều loại mặt nạ phòng độc. Chất X là

- A. đá vôi. B. lưu huỳnh. C. than hoạt tính. D. thạch cao.

Câu 44: Etyl butirát là este có mùi thơm của dứa. Công thức của etyl butirát là

- A. HCOOC_2H_5 . B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{COOC}_2\text{H}_5$. C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$. D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$.

Câu 45: Cho dung dịch NaOH vào dung dịch chất X, thu được kết tủa màu trắng hơi xanh. Chất X là

- A. FeCl_3 . B. MgCl_2 . C. CuCl_2 . D. FeCl_2 .

Câu 46: Dung dịch Ala-Gly-Gly không phản ứng được với chất nào sau đây?

- A. NaCl. B. HNO_3 . C. $\text{Cu}(\text{OH})_2$. D. NaOH.

Câu 47: Kim loại Al **không** tan được trong dung dịch nào sau đây?

- A. NaOH. B. NaCl. C. HCl. D. $\text{Ba}(\text{OH})_2$.

Câu 48: Oxit nào sau đây không phải là oxit bazơ?

- A. Fe_2O_3 . B. CrO_3 . C. FeO. D. CuO.

Câu 49: Poli(vinyl clorua) (PVC) được điều chế từ phản ứng trùng hợp chất nào sau đây?

- A. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$. B. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$. C. $\text{CH}_2=\text{CHCl}$. D. CH_3-CH_3 .

Câu 50: Kim loại nào sau đây có thể điều chế được bằng phương pháp nhiệt luyện?

- A. Be. B. Al. C. Ca. D. Fe.

Câu 51: Chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

- A. Saccarozơ. B. fructozơ. C. Tinh bột. D. Glucozơ.

Câu 52: Thành phần chính của đá vôi là canxi cacbonat. Từ đá vôi ta có thể nung để thu được vôi sống. Công thức của vôi sống là

- A. $\text{Ca}(\text{OH})_2$. B. CaO. C. CaCO_3 . D. $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$.

Câu 53: Cho 4 gam Al vào 100 ml dung dịch CuSO_4 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam Cu kim loại. Giá trị của m là

- A. 5,4. B. 8,6. C. 6,4. D. 12,4.

Câu 54: Cho V ml dung dịch NaOH 2M vào 200 gam dung dịch AlCl_3 13,35%, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 3,9 gam kết tủa. Giá trị lớn nhất của V là

- A. 750. B. 350. C. 375. D. 150.

Câu 55: Cho các chất sau: metylamin, alanin, metylamoni clorua, ancol etylic. Số chất phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 56: Thủy phân hoàn toàn tinh bột, thu được monosaccarit X. Hidro hóa X, thu được chất hữu cơ Y. Hai chất X, Y lần lượt là:

- A. glucozơ, sobitol. B. fructozơ, sobitol. C. saccarozơ, glucozơ. D. glucozơ, axit gluconic.

Câu 57: Đốt cháy hoàn toàn amin X (no, 2 chức, mạch hở), thu được 0,2 mol CO_2 và 0,05 mol N_2 .

Công thức phân tử của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$. B. $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$. C. $\text{C}_2\text{H}_8\text{N}_2$. D. $\text{C}_4\text{H}_{12}\text{N}_2$.

Câu 58: Bộ dụng cụ chiết (được mô tả như hình vẽ bên) dùng để tách hỗn hợp nào sau đây.

- A. Glucozơ và H_2O . B. Etanol và H_2O .
C. Benzen và H_2O . D. Axit etanoic và etanol .



Câu 59: Phản ứng nào sau đây không tạo khí.

- A. Cho Na và dung dịch CuSO_4 . B. AgNO_3 vào FeCl_2 .
C. HCl vào dung dịch Na_2CO_3 . D. Điện phân nóng chảy NaCl.

Câu 60: Thủy phân m gam hỗn hợp X chứa xenlulozơ, saccarozơ và tinh bột thu được hỗn hợp Y. Đốt cháy hoàn toàn Y thu được 7,84 lít CO_2 . Mặt khác, đốt cháy X thu được 5,4 gam H_2O . Giá trị của m là

- A. 9,6. B. 14. C. 10,6. D. 16,2.

Câu 61: Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (a) Nhúng thanh đồng nguyên chất vào dung dịch FeCl_3 .
(b) Cắt miếng sắt tây (sắt tráng thiếc), để trong không khí ẩm.
(c) Nhúng thanh kẽm vào dung dịch H_2SO_4 loãng có nhỏ vài giọt dung dịch CuSO_4 .
(d) Quấn sợi dây đồng vào đinh sắt rồi nhúng vào cốc nước muối.
(e) Cho thanh sắt vào dung dịch HCl sau đó thêm MgCl_2 vào

Trong các thí nghiệm trên, số thí nghiệm chỉ xảy ra ăn mòn hóa học là

- A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 62: Thủy phân este mạch hở X có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$, thu được sản phẩm không có phản ứng tráng bạc. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

- A. 5. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 63: Cho các chất sau: Cr_2O_3 , Cu, $\text{Cr}(\text{OH})_3$, Ag, Al_2O_3 , Cr. Số chất không tan được trong dung dịch HCl là

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 64: Cho các polime: poli(vinyl clorua), xenlulozơ, policaproamit, polistiren, xenlulozơ triaxetat, nilon-6,6. Số polime tổng hợp là

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 65: Hấp thụ hoàn toàn V lít khí CO_2 vào dung dịch chứa NaOH 0,2M và Na_2CO_3 0,3M, thu được dung dịch X. Chia X thành hai phần bằng nhau:

- Phần 1: Cho từ từ vào 120 ml dung dịch HCl 1M, thu được 2,016 lít CO_2 .
- Phần 2: Cho tác dụng hết với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư, thu được 29,55 gam kết tủa.

Giá trị V là

- A. 3,36. B. 2,24. C. 5,60. D. 1,12.

Câu 66: Đốt cháy hoàn toàn a mol hỗn hợp X gồm ba triglixerit cần vừa đủ 4,77 mol O_2 , thu được 3,14 mol H_2O . Mặt khác, hiđro hóa hoàn toàn m gam X (xúc tác Ni, t°), thu được 79,26 gam hỗn hợp Y. Đun nóng Y với dung dịch KOH vừa đủ, thu được glixerol và 86,1 gam muối. Giá trị của a là

- A. 0,06. B. 0,09. C. 0,03. D. 0,12.

Câu 67: Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử $\text{C}_7\text{H}_6\text{O}_3$. X phản ứng với dung dịch NaOH theo tỉ lệ 1:3, thu được hỗn hợp muối Y và Z ($M_Y < M_Z$). Phát biểu nào sau đây **đúng**?

- A. X có ba công thức cấu tạo phù hợp. B. Z là muối của axit cacboxylic.
C. Y không tham gia phản ứng tráng bạc. D. Z làm mất màu dung dịch brom.

Câu 68: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (a) Cho Al_4C_3 vào H_2O .
- (b) Cho $\text{Fe}(\text{OH})_3$ vào dung dịch H_2SO_4 đặc, nóng (dư).
- (c) Nung nóng Na_2CO_3 .
- (d) Cho dung dịch KHSO_4 vào dung dịch NaHCO_3 .
- (e) Cho dung dịch NH_4NO_3 vào dung dịch HCl loãng.
- (g) Cho đinh sắt vào dung dịch H_2SO_4 loãng nguội.

Sau khi các phản ứng xảy ra, số thí nghiệm sinh ra chất khí là

- A. 3. B. 5. C. 4. D. 2.

Câu 69: Cho các phát biểu sau:

- (a) Sục khí NH_3 tới dư vào dung dịch NaAlO_2 , thu được kết tủa trắng.
- (b) Nhỏ dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ vào dung dịch NaHSO_4 , thu được kết tủa trắng và có khí thoát ra.
- (c) Dung dịch Na_2CO_3 làm mềm được nước cứng toàn phần.
- (d) Thạch cao nung dùng để nặn tượng, bó bột khi gãy xương.
- (e) $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ vừa tác dụng với dung dịch HCl vừa tác dụng được với dung dịch NaOH .
- (f) Cấu hình electron của Kali ($Z=19$) là $[\text{Ne}]4s^1$

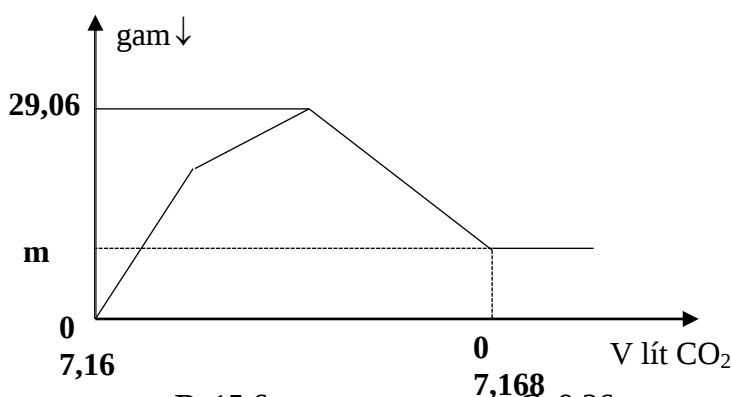
Số phát biểu **đúng** là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 70: Nung hỗn hợp khí X chứa H_2 , C_2H_4 và C_2H_2 xúc tác Ni một thời gian, thu được hỗn hợp khí Y (chỉ chứa hidrocarbon). Tỉ khối hơi của Y so với H_2 bằng 13,8. Biết m gam Y phản ứng tối đa với 19,2 gam Br_2 trong dung dịch. Giá trị của m là

- A. 30 B. 13,8. C. 27,6. D. 10.

Câu 71: Dẫn từ từ đến dư khí CO_2 vào dung dịch chứa $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và NaAlO_2 . Sự phụ thuộc của khối lượng kết tủa (m gam) vào thể tích khí CO_2 tham gia phản ứng được biểu diễn bằng đồ thị bên. Giá trị của m là



- A. 19,7. B. 15,6. C. 9,36. D. 9,85.

Câu 72: Cho các phát biểu sau:

- (a) Hầu hết polime không bay hơi, nhiệt độ nóng chảy không xác định và không tan trong nước.
- (b) Metylamin, đimetylamin, trimetylamin và etylamin là những chất khí, mùi khai và không tan trong nước.
- (c) Trong công nghiệp người ta có thể điều chế glucozơ từ vỏ bào, mùn cưa nhờ xúc tác.
- (d) Peptit là loại hợp chất chứa từ 2 đến 50 gốc α -aminoaxit liên kết với nhau bởi các liên kết peptit.
- (e) Thành phần chính của bông nõn là tinh bột.
- (f) Để giảm đau nhức khi bị kiến đốt, có thể bôi vôi tôi vào vết đốt.

Số phát biểu **đúng** là

- A. 4. B. 6. C. 3. D. 5.

Câu 73: Điện phân dung dịch X chứa 0,24 mol $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ và 0,08 mol KCl (với điện cực trơ, màng ngăn xốp) đến khi khối lượng catot tăng 12,8 gam thì dừng điện phân, thu được dung dịch Y. Cho 22,4 gam bột Fe vào Y, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}) và m gam hỗn hợp kim loại. Giả thiết hiệu suất điện phân là 100%. Giá trị của m là

- A. 18. B. 28. C. 12. D. 16.

74: Hỗn hợp A gồm bốn este X, Y, Z, T đều mạch hở ($M_X = M_Y < M_Z < M_T$). Cho 48,28 gam A tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được một muối duy nhất của axit cacboxylic đơn chức và 16,32 gam hỗn hợp Q gồm các ancol no, mạch hở, có cùng số nguyên tử cacbon trong phân tử. Đốt cháy hoàn toàn Q, thu được 13,44 lít khí CO_2 và 14,4 gam H_2O . Phát biểu nào sau đây đúng.

- A. Muối duy nhất có CTPT $C_4H_6O_2Na$.
- B. Phần trăm khối lượng của nguyên tố H trong Z là 8,55%
- C. CTPT của T là $(C_3H_5COO)_2C_3H_6$.
- D. Hỗn hợp Q không chứa ancol mạch phân nhánh.

Câu 75: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm Na, K, Ba, BaO và Al_2O_3 (trong đó oxi chiếm 10% về khối lượng) vào nước, thu được 300 ml dung dịch Y và 1,12 lít khí H_2 . Lấy 600 ml dung dịch Y hấp thụ tối đa 12,544 lít CO_2 , thu được 3,12 gam kết tủa. Giá trị m là.

- A. 9,6.
- B. 10,8.
- C. 12,0.
- D. 19,2.

Câu 76: Tiến hành thí nghiệm ăn mòn điện hóa theo các bước sau đây:

Bước 1: Rót các thể tích dung dịch NaCl đậm đặc bằng nhau và 2 cốc thủy tinh đánh số (1) và (2).

Bước 2: Mỗi cốc được cắm một lá sắt và một lá đồng.

Bước 3: Nối lá sắt với lá Cu trong cốc (2) bằng 1 dây dẫn điện.

Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Rót dung dịch NaCl đậm đặc làm dung dịch điện li.
- B. Mục đích chính của việc nối lá sắt và đồng bằng dây dẫn để hai kim loại này tiếp xúc với nhau.
- C. Sau bước 2, trong cả 2 ống nghiệm sắt vẫn chưa bị ăn mòn.
- D. Sau bước 3, sắt trong ống nghiệm (1) và (2) đều bị ăn mòn.

Câu 77: Hòa tan hoàn toàn hai chất rắn X, Y (tỉ lệ mol 1:4) vào nước thu được dung dịch Z.

Tiến hành các thí nghiệm sau:

Thí nghiệm 1: Cho dung dịch NaOH dư vào V ml dung dịch Z, thu được n_1 mol khí.

Thí nghiệm 2: Cho dung dịch HCl dư vào V ml dung dịch Z, thu được n_2 mol khí.

Thí nghiệm 3: Cho dung dịch HNO_3 dư vào V ml dung dịch Z, thu được n_3 mol khí.

Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn và $n_1 < n_2 < n_3$. Hai chất X, Y lần lượt là:

- A. NH_4Cl , $Fe(NO_3)_2$.
- B. NH_4NO_3 , $FeCl_2$.
- C. NH_4NO_3 , $FeCl_3$.
- D. $FeCl_2$, $Al(NO_3)_3$.

Câu 78: X là este hai chức, Y là este đơn chức (X và Y đều mạch hở). Đốt cháy x mol X cũng như y mol Y đều thu được hiệu số mol CO_2 và H_2O bằng 0,1 mol. Cho 17,9 gam hỗn hợp E gồm X (x mol) và Y (y mol) tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH, thu được 17,4 gam muối và hỗn hợp Z chứa hai ancol cùng dãy đồng đẳng liên tiếp. Tỉ khối của Z so với He bằng 10,625. Tổng số nguyên tử có trong phân tử X là

- A. 24.
- B. 18.
- C. 23.
- D. 21.

Câu 79: Đốt cháy hết m gam hỗn hợp X chứa 0,04 mol tripeptit mạch hở T, metyl acrylat, axit propanoic, metyl amin và một hidrocarbon mạch hở cần vừa đủ 22,96 gam khí O_2 , thu được 26,4 gam CO_2 và 1,456 lít N_2 . Mặt khác, m gam X tác dụng vừa đủ với 190 ml dung dịch NaOH 1M. Phát biểu nào sau đây sai.

- A. Giá trị m là 14,89 gam.
- B. Tripeptit T chỉ có thể là Gly-Ala-Val.
- C. Khối lượng metyl amin trong X là 3,1 gam.
- D. Phần trăm khối lượng oxi trong X là 45,13%.

Câu 80: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp X chứa Al, Mg, MgO và NH_4NO_3 cần dùng 0,21 mol HCl, thu được 0,784 lít hỗn hợp khí Z chứa NO và H_2 có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 5 và dung dịch Y chỉ chứa muối trung hòa. Dung dịch Y tác dụng tối đa 230 ml dung dịch NaOH 1M, thu được 3,48 gam kết tủa. Giá trị gần nhất của m là.

- A. 3,7
- B. 3,0
- C. 4,8
- D. 4,0.

----- HẾT -----